

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 09/01/2025

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và ông Mai Văn Chất

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐST - HNGĐ ngày 03/12/2024; **Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST - HNGĐ ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:**

1. Nguyên đơn: Chị Lại Thị H, sinh năm 1985. Nơi ĐKKHKT: xóm I, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. **Địa chỉ: xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.**

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Xóm I, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Lại Thị H trình bày Chị và anh Ngô Văn T đăng ký kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã C. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh T tại xã L. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Do không chịu đựng được nên chị và anh T sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng anh T được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có 04 con chung là Ngô Gia B, sinh ngày 11/5/2011; Ngô Huyền T1, sinh ngày 16/10/2012; Ngô Minh H1, sinh ngày 03/8/2016 và Ngô Bảo T2, sinh ngày 26/7/2023. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao 03 con chung cháu Ngô Huyền T1, Ngô Minh H1, Ngô Bảo T2 và cho chị chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Ngô Gia B cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh T không có tài sản chung và công nợ do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án anh Ngô Văn T đang cư trú tại xóm I, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện K đã giao Thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng anh T từ chối không nhận. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của chị H, không tham gia phiên hoà giải, không tham gia phiên tòa.

Con chung của của anh chị Ngô Gia B, sinh ngày 11/5/2011; Ngô Huyền T1, sinh ngày 16/10/2012; Ngô Minh H1, sinh ngày 03/8/2016 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nguyện vọng của con. Nguyên vọng cháu Ngô Gia B muốn ở với anh T, các cháu Ngô Huyền T1, Ngô Minh H1 có nguyện vọng xin được ở với chị H khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện chính quyền địa phương UBND xã L xác nhận tình trạng hôn nhân và con chung của vợ chồng chị H, anh T như chị H đã trình bày. Qua theo dõi thì chị H và anh T đã sống ly thân, hiện chỉ có anh T và 02 con lớn đang sinh sống tại xóm I, xã L, còn chị H và 02 con nhỏ đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống tại xã C. Nguyên nhân vợ chồng chị H, anh T có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể như thế nào thì địa phương không biết vì không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì. Đối với việc chị H làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu thực tế của các bên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: xử ly hôn giữa chị Lại Thị H và anh Ngô Văn T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Ngô Gia B, sinh ngày 11/5/2011 và Ngô Huyền T1, sinh ngày 16/10/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên; giao 02 con chung là Ngô Minh H1, sinh ngày 03/8/2016 và Ngô Bảo T2, sinh ngày 26/7/2023 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên; hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lại Thị H có đơn khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Ngô Văn T có nơi cư trú tại: 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Ngô Văn T, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T đăng ký kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh T địa chỉ tại xóm I, xã L. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Hiện vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, đã nhiều lần vợ chồng sống ly thân, nhưng được sự động viên của gia đình và vì các con chung nên chị đã quay về đoàn tụ cùng anh T, nhưng chỉ được thời gian ngắn mâu thuẫn lại tiếp tục xảy ra, không có biện pháp nào hàn gắn.

Về phía bị đơn anh Ngô Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện K tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án nhưng từ chối không nhận. Qua liên lạc và trao đổi bằng điện thoại của bộ để anh T trên ứng dụng zalo anh cho biết giữa anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn đã lâu chị H đã đưa 02 con nhỏ về nhà bố mẹ để chị H ở, hiện chỉ có anh và 02 con lớn đang ở cùng anh tại xóm I, xã L. Chị H có yêu cầu ly hôn anh thì anh đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng con lớn là Ngô Gia B và Ngô Bảo T2 thì anh mới đồng ý. Tòa án thông báo cho anh T biết nếu anh có nguyện vọng muốn nuôi 02 con thì yêu cầu anh phải có ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án huyện K, có mặt tại Tòa án để làm việc và tham gia phiên hòa giải nhưng anh T nêu lý do hiện anh đang làm thợ xây công việc cuối năm rất bận không thể nghỉ để đến Tòa án giải quyết vụ án được. Tòa án đã tiến hành niêm yết **thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định**

đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T không tham gia tố tụng theo quy định, có ý bỏ mặc tình trạng hôn nhân.

Xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh T cư trú, đại diện UBND xã L cho biết: Tình trạng hôn nhân và con chung của vợ chồng anh T, chị H như chị H đã trình bày. Qua theo dõi hiện nay chị H và anh T sống ly thân, anh T và 02 con lớn đang sinh sống tại xóm I, xã L, còn chị H và 02 con nhỏ đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống tại xã C. Nguyên nhân vợ chồng chị H, anh T có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể như thế nào thì địa phương không biết vì không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì. Đối với việc chị H làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu thực tế của các bên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh T đã phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống; mặc dù đã được hai bên gia đình giúp đỡ hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 04 con chung là cháu Ngô Gia B, sinh ngày 11/5/2011, cháu Ngô Huyền T1, sinh ngày 16/10/2012, cháu Ngô Minh H1, sinh ngày 03/8/2016 và cháu Ngô Bảo T2, sinh ngày 26/7/2023.

Quá trình giải quyết chị H có đề nghị xin được nhận nuôi 03 con chung là cháu Ngô Huyền T1, cháu Ngô Minh H1, cháu Ngô Bảo T2 và đề nghị Tòa án giao cháu Ngô Gia B cháu cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung.

Con chung của vợ chồng là Ngô Gia B, Ngô Huyền T1, Ngô Minh H1 thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì cháu Ngô Gia B có nguyện vọng được ở với anh T, cháu Ngô Huyền T1 và cháu Ngô Minh H1 có nguyện vọng được ở với chị H khi bố mẹ ly hôn.

Thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi 02 con nhỏ là cháu Ngô Minh H1 và cháu Ngô Bảo T2; anh T đang nuôi dưỡng 02 con lớn là cháu Ngô Gia B và cháu Ngô Huyền T1. Trong đó có cháu Ngô Bảo T2 đang dưới 36 tháng tuổi. Về thu nhập anh T không cung cấp được mức thu nhập cũng như điều kiện công việc của anh T, chị H có mức thu nhập ổn định. Tuy nhiên để không làm thay đổi môi trường sinh hoạt và điều kiện sống của các cháu và không làm ảnh hưởng sự phát triển bình thường của các cháu mà vẫn đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử giao cháu Ngô Gia B và cháu Ngô Huyền T1 cho anh T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; giao cháu Ngô Minh H1, Ngô Bảo T2 cho chị H trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung do chị H không yêu cầu cấp dưỡng, anh T không có quan điểm về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Do vậy không buộc các bên phải cấp dưỡng đối với con chung là phù hợp với điều 82, 83 Luật

Hôn nhân nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về tài sản chung: Hai bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lại Thị H và anh Ngô Văn T. (Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Minh H1, sinh ngày 03/8/2016 và cháu Ngô Bảo T2, sinh ngày 26/7/2023 cho chị Lại Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên. Giao cháu Ngô Gia B, sinh ngày 11/5/2011 và cháu Ngô Huyền T1, sinh ngày 16/10/2012 cho anh Ngô Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lại Thị H2 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001894 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã C, huyện K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh